UBND HUYỆN CẨM XUYÊN

TRUNG TÂM GDNN – GDTX CẨM XUYÊN

ĐỀ THI KSCL LẦN 2 NĂM HỌC 2022- 2023

MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 12

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian giao đề)

(Mã đề thi: 413)

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh:.....

Câu 41: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

A. Hà Tĩnh. **B.** Nghệ An. **C.** Gia Lai. **D.** Đắk Nông.

Câu 42: Hệ thống sông nào có tiềm năng thủy điện lớn nhất trong các hệ thống sông sau đây?

A.Sông Đà Rằng. **B.** Sông Mã. **C.** Sông Đồng Nai. **D.** Sông Xrê Pôk.

Câu 43: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào có lượng mưa trung bình năm lớn nhất trong các trạm khí tượng sau đây?

A. Lạng Sơn. **B.** Cà Mau. **C.** Nha Trang. **D.** Đà Nẵng.

Câu 44: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?

A. Cảng Chân Mây. **B.** Cảng Cái Lân. **C.** Cảng Sơn Tây. **D.** Cảng Nhật Lệ.

Câu 45: Biện pháp mở rộng diện tích rừng phòng hộ của nước ta là

A.đóng cửa rừng. **B.** lập khu bảo tồn. **C.** hạn chế khai thác. **D.** trồng rừng đầu nguồn.

Câu 46:Đồng bằng nước ta thường xảy ra

A.lũ quét. **B.**lũ nguồn. **C.** sóng thần. **D.**ngập lụt.

Câu 47: Sản phẩm chuyên môn hóa công nghiệp của hướng Hà Nội - Việt Trì - Lâm Thao là

A. cơ khí, luyện kim. **B.** hóa chất, giấy. **C.** điện, dệt - may. **D.** khai thác than, điện.

Câu 48: Chăn nuôi của nước ta hiện nay

A. tạo ra được các sản phẩm hàng hóa. **B.** đem lại hiệu quả sản xuất rất cao.
C. hoàn toàn dùng thức ăn công nghiệp. **D.** chỉ phát triển ở khu vực miền núi.

Câu 49: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp với tỉnh Đồng Tháp?

A. Tiền Giang. **B.** Hậu Giang. **C.** Kiên Giang. **D.** Trà Vinh.

Câu 50: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có bôxit?

A. Hàm Tân. **B.** Vĩnh Hảo. **C.**Di Linh. **D.**Gò Dầu.

Câu 51: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết đường số 27 đi qua đèo nào sau đây?

A. Đèo Ngoạn Mục. **B.** Đèo An Khê. **C.** Đèo Phượng Hoàng. **D.** Đèo Mang Yang.

Câu 52: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh nào sau đây?

A.Lạng Sơn. **B.** Thái Nguyên. **C.** Yên Bái. **D.** Tuyên Quang.

Câu 53: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu GDP lớn nhất?

A. Hải Phòng. **B.** Nam Định. **C.** Hạ Long. **D.** Phúc Yên.

Câu 54: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Long Xuyên có ngành nào sau đây?

A. Luyện kim đen. **B.** Dệt, may. **C.** Luyện kim màu. **D.** Sản xuất ôtô.

Câu 55: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây nằm trên sông Cả?

A. Cửa Đạt. **B.** Bản Vẽ. **C.** Tuyên Quang. **D.** Sông Hinh.

LIVEWORKSHEETS

Câu 56: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây là trung tâm vùng?

A. Huế. **B.**Hà Nội. **C.**Hạ Long. **D.**Đà Nẵng.

Câu 57: Để tăng vai trò bảo vệ môi trường của rừng ở nước ta, khu vực nào sau đây cần có độ che phủ rừng cao nhất?

A. Ven biển. **B**. Đồng bằng. **C**.Núi dốc. **D**. Cao nguyên.

Câu 58: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết kênh Phụng Hiệp nối Ngã Bảy với địa điểm nào sau đây?

A. Cà Mau. **B.** Hà Tiên. **C.** Rạch Giá. **D.** Châu Đốc.

Câu 59: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết hồ Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Khánh Hòa. **B.** Ninh Thuận. **C.** Bình Định. **D.** Phú Yên.

Câu 60: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy điện nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

A.Thác Bà. **B.** Phả Lại. **C.** Na Dương. **D.** Hòa Bình.

Câu 61: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh nào sau đây trồng nhiều cao su và hồ tiêu?

A. Hà Tĩnh. **B.** Nghệ An. **C.** Quảng Trị. **D.** Thanh Hóa.

Câu 62: Cây công nghiệp hàng năm ở nước ta hiện nay

A. được trồng nhiều ở các đồng bằng. **B.** tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ.

C. mang lại giá trị xuất khẩu rất lớn. **D.** chủ yếu là có nguồn gốc cận nhiệt.

Câu 63: Điều kiện thuận lợi đối với nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

A.có nhiều cửa sông, bãi triều, đầm phá. **B.** khí hậu và thời tiết ổn định, ít thiên tai.

C. có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ. **D.** có các ngư trường lớn ở ngoài khơi xa.

Câu 64: Mạng lưới giao thông vận tải của nước ta hiện nay

A. chưa được kết nối với khu vực. **B.** phân bố khá đều giữa các vùng.

C. gồm nhiều loại hình khác nhau. **D.** có các tuyến đường sắt cao tốc.

Câu 65: Cho biểu đồ:

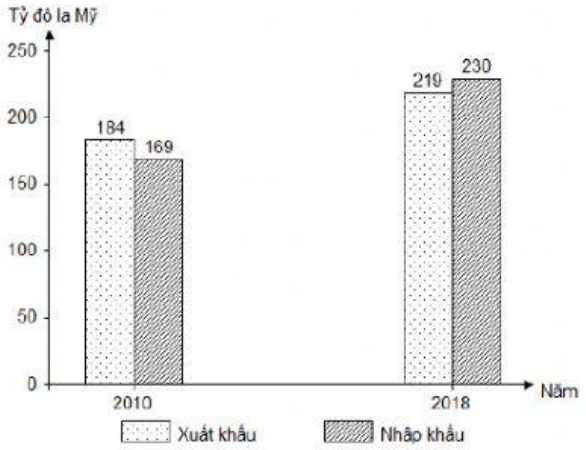

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A NĂM 2010 VÀ 2018

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi giá trị xuất, nhập khẩu năm 2018 so với năm 2010 của In-đô-nê-xi-a?

A. Nhập khẩu tăng và xuất khẩu giảm. **B.** Nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu.

C.Xuất khẩu tăng gấp hai lần nhập khẩu. **D.** Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.

Câu 66:Vùng đất của nước ta

A.gồm phần đất liền và hải đảo. **B.**thu hẹp theo chiều bắc - nam.

C.lớn hơn vùng biển nhiều lần. **D.**chỉ giáp biển về phía đông.

LIVEWORKSHEETS

Câu 67: Dân cư nước ta hiện nay

A. phân bố hợp lí giữa các vùng.
B. có xu hướng giảm về mật độ.
C. tập trung chủ yếu ở nông thôn.
D. có mật độ cao ở các vùng núi.

Câu 68: Đô thị nước ta hiện nay

A. có cơ sở hạ tầng rất hoàn thiện.
B.có khả năng thu hút vốn đầu tư.
C.có tỉ lệ thiếu việc làm rất cao.
D.tập trung đa số dân cư cả nước.

Câu 69: Việc chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay

A. đang diễn ra với tốc độ rất nhanh.
B. làm tăng cao tỉ trọng công nghiệp.
C. đã hình thành các khu công nghiệp.
D.làm hạ thấp tỉ trọng nông nghiệp.

Câu 70: Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

A. tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.
B. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.
C. tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp.
D. giảm tỉ trọng của các sản phẩm cao cấp.

Câu 71: Cho biểu đồ về lao động phân theo thành phần kinh tế nước ta, năm 2009 và 2019:

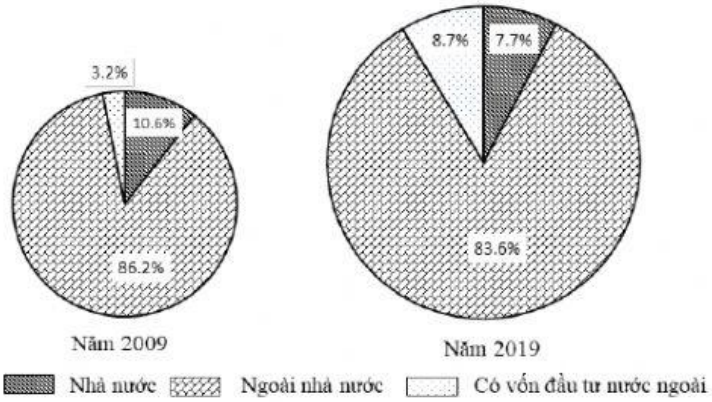

(Số liệu theo: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A.Quy mô và cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2009 và 2019.
B. Tốc độ tăng trưởng lao động phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2009 và 2019.
C. Chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2009 và 2019.
D. Tỉ trọng lao động phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2009 và 2019.

Câu 72: Đặc điểm nổi bật của ngành viễn thông nước ta hiện nay là

A.tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.
B.có mạng lưới phân bố rất rộng rãi.
C.kỹ thuật nhìn chung còn lạc hậu.
D.phân bố hợp lí giữa các khu vực.

Câu 73: Các nhà máy nhiệt điện ở phía Bắc nước ta hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn nhiên liệu từ

A. khí đốt. **B.** dầu nhập. **C.**than. **D.** năng lượng mới.

Câu 74: Các mặt hàng xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

A. thu hút đầu tư, tham gia các tổ chức quốc tế.
B.đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
C.kinh tế phát triển, mở rộng hội nhập quốc tế.
D. mở rộng sản xuất, mức sống ngày càng tăng.

Câu 75: Ngành bưu chính nước ta hiện nay

A. có tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.

B. tập trung lao động có trình độ cao.

C. hoạt động hoàn toàn tự động hóa.

D. có mạng lưới rộng khắp các vùng.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG SỮA BỘT VÀ SỮA TƯƠI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

LIVEWORKSHEETS

Năm	2015	2017	2018	2020
Sữa bột *(nghìn tấn)*	99,3	111,7	121,3	127,2
Sữa tươi *(triệu lít)*	1027,9	1211,4	1217,9	1316,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng sữa bột và sữa tươi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A.Đường. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.**Cột.

Câu 77: Các mặt hàng nhập khẩu nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu là do

A.đô thị hóa phát triển, hội nhập toàn cầu rộng.

B. liên doanh với các nước, thị trường mở rộng.

C.các ngành sản xuất phát triển, mức sống tăng.

D.công nghiệp hóa, đô thị hóa được đẩy mạnh.

Câu 78: Biện pháp mở rộng diện tích rừng đặc dụng ở nước ta là

A. tăng diện tích rừng đầu nguồn.

B. trồng thêm rừng ven biển.

C. mở rộng hệ thống các khu bảo tồn.

D. áp dụng mô hình nông-lâm kết hợp.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

Quốc gia	Việt Nam	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Mi-an-ma
Số dân thành thị *(triệu người)*	34,2	33,7	25,1	16,9
Tỉ lệ dân thành thị *(%)*	35,0	50,7	76,6	30,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có số dân ít nhất?

A. Thái Lan. **B.**Ma-lai-xi-a. **C.** Việt Nam. **D.** Mi-an-ma.

Câu 80: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến nên có

A. góc nhập xạ lớn, hoạt động của gió mùa. **B.** nền nhiệt độ cao, mưa nhiều.

C. góc nhập xạ lớn, hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh. **D.** góc nhập xạ lớn, có hai mùa rõ rệt.

--------- **HẾT** --------

- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

LIVEWORKSHEETS